

Bản án số: 479/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn giữa  
ông T và bà H

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn On

*Các Hội thẩm nhân dân dân:*

Ông Nguyễn Văn Cư

Bà Trần Thị Trang

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 457/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 413/47M, đường Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: Số 100, đường Trần Phú, tổ 9, khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

***- Bị đơn:*** Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày: Hôn nhân giữa tôi và bà Trần Thị Kim H tự

tìm hiểu và tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1990, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Phú Châu nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà H tự ý bỏ nhà đi. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H. Về con chung không có. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Kim H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70- 71- 72- 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị Kim H tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1990, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà H tự ý bỏ nhà đi. Nay ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung không có. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Kim H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị Kim H có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Phú Châu nay là phường Long

Thanh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp “ Ly hôn ” giữa ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị Kim H được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Đỗ Văn T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Kim H, về con chung không có, về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[4] Bà Trần Thị Kim H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

[5] Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

- Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Tổ chức đăng ký kết hôn. Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên.

- Khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

- Khoản 1 Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị Kim H.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản: Không có, về nợ chung không có nợ.

Về án phí: Ông Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát là có cơ sở xem xét và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản Quy phạm pháp luật khác có liên quan.

[7] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân giữa ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị Kim H sau khi Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được. Ngày 27/11/2018 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bà Trần Thị Kim H được anh Nguyễn Thanh Phong là Cảnh sát khu vực khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu cung cấp đương sự Trần Thị Kim H, sinh năm 1966, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hiện nay đương sự Trần Thị Kim H không có mặt tại địa phương mà đi làm ăn xa, thỉnh thoảng 04-05 tháng có về địa phương. Ngày 27/11/2018 Tòa án tiến hành xác minh bà Bùi Thị Sang, được bà Sang cung cấp T là con trai, H là con dâu, T và H yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, khi T - H kết hôn thì tôi không biết, sau này vợ chồng T - H về nói lại thì tôi mới biết. Trong quá trình chung sống vợ chồng T - H có hạnh phúc hay không thì tôi không biết do vợ chồng T - H không có sống chung với tôi, hiện nay H đã có gia đình và có con với người chồng khác, T và H không còn sống chung với nhau từ năm 1992 cho đến nay, T - H không có con chung, không có tài sản chung. Tại phiên tòa hôm nay ông T xác định lại là nghe nói lại là bà H có chồng khác và đã có con. Hôn nhân giữa ông T và bà H đã ly thân một thời gian dài nhưng ông bà không tự hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng mà để mâu thuẫn diễn biến ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được nghĩ nên cho ông T và bà H ly hôn là phù hợp. Về con chung không có. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ nên Hội đồng không đặt ra để xem xét giải quyết.

[8] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0009458 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 11-14-85-89-92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị Kim H.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0009458 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự; (để thi hành)
- UBND phường Long Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Văn On**